

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 24-01-2022

V/v tranh chấp ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Lương Bằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Lâm.

2. Ông Lê Hùng Cường.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp  
tham gia phiên tòa:** Ông Diệp Văn Hiếu Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 198/2021/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 142/2021/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Kim D1, sinh năm 1987; Nơi cư trú: xã PT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

2. *Bị đơn:* Anh Tô Phước D2, sinh năm 1983; Nơi cư trú: xã PT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp.

(Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa).

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2021, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 26/11/2021, biên bản hòa giải ngày 26/11/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Kim D1 trình bày:* Chị và anh Tô Phước D2 cưới nhau vào năm 2003, trước khi cưới không có tìm hiểu mà do mai mối và không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc có được 02 con, nhưng đến đầu năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn trong gia đình về chuyện làm ăn, chị không còn tình cảm với anh D1 nữa. Nay chị yêu cầu ly hôn với anh D2, vì tình cảm không còn. Về con chung: Có 02 con chung tên Tô Nguyễn Thảo V, sinh ngày 09/5/2006, Tô Nguyễn Kim A, sinh ngày 01/12/2014, nay ly hôn chị yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng cháu nuôi cháu Thảo V và Kim A, theo nguyện vọng của cháu Kim A và cháu Thảo V, chị không yêu cầu anh D2 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đã tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Chị và anh D2 chung sống không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản khai ngày 26/11/2021, biên bản hòa giải ngày 26/11/2021 và trong quá trình xét xử, bị đơn anh Tô Phước D2 trình bày:* Thừa nhận quá trình về sống chung với nhau và mâu thuẫn của vợ chồng như lời trình bày của chị Nguyễn Thị Kim D1. Nay chị D1 yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Về con chung: Có 02 con chung tên Tô Nguyễn Thảo V, sinh ngày 09/5/2006, Tô Nguyễn Kim A, sinh ngày 01/12/2014, nay ly hôn anh đồng ý cho chị D1 tiếp tục nuôi dưỡng cháu nuôi cháu Thảo V và Kim A, theo nguyện vọng của cháu Kim A và cháu Thảo V, anh không cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Đã tự thỏa thuận, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Anh và chị D1 chung sống vợ chồng không nợ ai và không ai nợ vợ chồng anh chị, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai ngày 26/11/2021, hai cháu Tô Nguyễn Kim A và Tô Nguyễn Thảo V trình bày: Ba với mẹ ly hôn nguyện vọng con ở với mẹ.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị

Kim D1 và anh Tô Phước D2; Về con chung: Giao 02 con chung tên Tô Nguyễn Thảo V, sinh ngày 09/5/2006, Tô Nguyễn Kim A, sinh ngày 01/12/2014 cho chị D1 tiếp tục nuôi dưỡng, anh D2 không cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đề cập đến; Về nợ chung: Không có, nên không đề cập đến.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kim D1 và anh Tô Phước D2 tuy sống chung như vợ chồng với nhau từ năm 2003 đến nay nhưng không có đăng ký kết hôn. Theo khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định:

*“Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch.*

*Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”*

[3] Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng.”*

[4] Do đó, chị D1 và anh D2 không có đăng ký kết hôn theo pháp luật quy định, nên Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị Kim D1 và anh Tô Phước D2 là vợ chồng, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này;...”*

[5] Về nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị Kim D1 và anh Tô Phước D2 đã thỏa thuận để chị D1 được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Tô Nguyễn Thảo V, sinh ngày 09/5/2006, Tô Nguyễn Kim A, sinh ngày 01/12/2014 cho chị D1

tiếp tục nuôi dưỡng, anh D2 không cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, 02 cháu Thảo V và Kim A từ khi chị D1 và anh D2 không còn sống chung và hiện nay đều do chị D1 chăm sóc, nuôi dưỡng và nguyện vọng của 02 cháu cũng muốn sống với mẹ, nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của chị D1 và anh D2 là phù hợp với quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[6] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Kim D1 và anh Tô Phước D2 cho rằng đã tự thỏa thuận xong, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[7] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Kim D1 và anh Tô Phước D2 cho rằng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[8] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### ***Tuyên xử:***

1. Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Kim D1 và anh Tô Phước D2.

2. Về nuôi con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị Nguyễn Thị Kim D1 và anh Tô Phước D2:

2.1. Chị Nguyễn Thị Kim D1 được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung tên Tô Nguyễn Thảo Vy, sinh ngày 09/5/2006, Tô Nguyễn Kim A, sinh ngày 01/12/2014.

2.2. Anh Tô Phước D2 không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kim D1 chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp theo biên lai thu số 0003803 ngày 08/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, chị D1 không phải nộp thêm.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Lương Bằng**